TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2026
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phong và bà Bùi Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ *tham gia phiên toà:* Ông Bùi Quang Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2025/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 2004. Địa chỉ: Xóm Q, xã T, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm B, xã T, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 03/3/2023. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc mà xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, lối sống trong gia đình dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

* Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung.

***** Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Phần trình bày của bị đơn: Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn để bị đơn viết bản tự khai, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, không lấy được lời khai và việc tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn và không tiến hành phiên hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L. Xử cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn ngày 03/3/2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Các tình tiết các bên chưa thống nhất: Chị Bùi Thị L đề nghị được ly hôn anh Bùi Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn T, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm B, xã T, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập đương sự nhiều lần, đã thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, lập biên bản không tiến hành hoà giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 03/3/2023 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị L đối với anh Bùi Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh T cho thấy hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị L. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau một thời gian nhưng không hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay, hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng không liên lạc, hỏi thăm gì đối với chị L. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T chưa có con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị L. Xử cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006016 ngày 26/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Hữu Doanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Mỹ, nay là xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 03/3/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.